

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **62** /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **29** tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định việc giải quyết kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền
của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc Hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Căn cứ Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 362/TTr-STP ngày 15 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc giải quyết kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **10** tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *.....*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCKSTT, THVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

13.

14.

15.

16.

QUY ĐỊNH

**Việc giải quyết kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền của
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **62**/2017/QĐ-UBND ngày **29** tháng **12** năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc giải quyết kiến nghị của cử tri do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quy định việc phối hợp giải quyết những kiến nghị có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; xử lý đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức chưa giải quyết dứt điểm các kiến nghị của cử tri, để cử tri kiến nghị bức xúc qua nhiều kỳ họp.

Việc xử lý đối với kiến nghị của cử tri có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước và kiến nghị có thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành được thực hiện theo Điều 13 Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến.

Khiếu nại, tố cáo của công dân không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, việc xem xét giải quyết thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết kiến nghị của cử tri do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Kiến nghị của cử tri được giao cho sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, giải quyết, theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết.

2. Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị phải bảo đảm dân chủ, khách quan, đầy đủ, đúng trọng tâm, báo cáo kết quả với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

TIẾP NHẬN VÀ PHÂN CÔNG GIẢI QUYẾT CÁC KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 3. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền gửi đến có nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phân loại kiến nghị, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện để phân công tiếp nhận, giải quyết, trả lời cử tri.

3. Đối với các kiến nghị có nội dung chưa rõ ràng, trùng lặp, Văn phòng UBND tỉnh phối hợp các cơ quan liên quan làm rõ nội dung, phân loại, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phân công giải quyết, trả lời cử tri.

4. Đối với những kiến nghị phức tạp có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan làm rõ kiến nghị của cử tri có liên quan đến lĩnh vực nào cơ bản nhất thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực đó chủ trì giải quyết, trả lời cử tri.

5. Đối với các kiến nghị có nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền chuyển kiến nghị đến.

Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện. Trường hợp các kiến nghị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công có nội dung không thuộc chức năng, nhiệm vụ giải quyết của đơn vị tiếp nhận thì trong thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, đơn vị tiếp nhận phải chuyển lại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh, chuyển đến sở, ban, ngành khác có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Đối với kiến nghị đã được sở, ban, ngành tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị, trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị phải có văn bản và gửi kèm theo văn bản đã thông báo kết quả giải quyết, trả lời trước đó đến Ủy ban nhân dân tỉnh, để Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho cử tri và các cơ quan liên quan biết, đồng thời văn bản thông báo phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cử tri kiến nghị.

3. Đối với những kiến nghị đã được sở, ban, ngành tiếp nhận, giải quyết nhưng nội dung trả lời chưa chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị do Văn phòng Ủy ban nhân dân chuyển đến cơ quan được phân công giải quyết phải rà soát, điều chỉnh lại và có văn bản đính chính, bổ sung gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Đối với những kiến nghị của cử tri có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được yêu cầu phối hợp của cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp bằng văn bản theo nội dung được đề nghị.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị do Chủ tịch UBND tỉnh phân công; phân loại theo từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương và phân công cho các cơ quan chức năng tham mưu giải quyết, theo quy định. Đồng thời phải chịu trách nhiệm nếu đề nội dung kiến nghị đã được cử tri phản ánh, nhưng chưa giải quyết dứt điểm, để cử tri kiến nghị lên cấp cao hơn.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC PHÂN CÔNG; XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHƯA GIẢI QUYẾT DỨT ĐIỂM CÁC KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 6. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết, trả lời kiến nghị của các cơ quan, địa phương; tổng hợp, báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri; đề nghị báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đã được giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trực tiếp hoặc chủ trì tham mưu giải quyết, kiến nghị cử tri đối với những nội dung liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân và hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; kiến nghị liên quan đến nhiều ngành,

lĩnh vực quản lý mà không xác định được sở, ban, ngành chủ trì giải quyết, trả lời, mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không giao cơ quan khác tham mưu giải quyết.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đúng các quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này; báo cáo tổng hợp đầy đủ về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Các sở, ban, ngành được giao chủ trì giải quyết, trả lời kiến nghị phải chủ động, thường xuyên phối hợp, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết đúng thời hạn các kiến nghị đã được giao cho cơ quan mình và các cơ quan phối hợp, không để kiến nghị tồn đọng, kéo dài.

a) Kiến nghị liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của nhiều sở, ban, ngành được giao cho một cơ quan chủ trì nghiên cứu giải quyết, trả lời. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kiến nghị, cơ quan được giao chủ trì giải quyết, trả lời phải có văn bản gửi đến cơ quan có liên quan đề nghị phối hợp giải quyết, trả lời kiến nghị.

b) Các cơ quan được giao phối hợp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì để giải quyết, trả lời cử tri, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì, cơ quan được đề nghị phối hợp phải có văn bản trả lời gửi đến cơ quan chủ trì giải quyết, trả lời cử tri theo đúng quy định của pháp luật và của Quy chế này.

c) Đối với các kiến nghị mà việc giải quyết liên quan đến nhiều sở, ngành, địa phương, vượt quá khả năng, điều kiện hoặc có khó khăn, vướng mắc thì cơ quan được giao chủ trì phải chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan và trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị phải có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

3. Đối với các kiến nghị có nội dung trùng lặp thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết phối hợp trả lời và thông báo kết quả giải quyết bằng một văn bản đồng thời gửi đến tất cả các cơ quan đã gửi kiến nghị trùng lặp và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

4. Đối với kiến nghị liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các chính sách, pháp luật cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, tuân thủ các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản hoặc kiến nghị khi thực hiện giải quyết cần phải có nguồn lực phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, chưa xác định được thời gian giải quyết thì các cơ quan được phân công phải giải trình, nêu rõ lý do, dự kiến lộ trình, phương hướng giải quyết, trả lời để cử tri biết.

5. Hướng dẫn, phối hợp, theo dõi, đôn đốc và kịp thời điều chỉnh, khắc phục những sai sót theo thẩm quyền trong việc thực hiện giải quyết các kiến nghị đã được giao cho Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan liên quan thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công.

6. Thường xuyên chủ động rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị của các cơ quan, đơn vị được phân công; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Định kỳ hàng quý, các sở, ban, ngành báo cáo tiến độ thực hiện đối với các kiến nghị của cử tri còn tồn đọng, chưa giải quyết dứt điểm, nêu rõ nguyên nhân và giải pháp thực hiện trong thời gian tới. Báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết, trả lời kiến nghị theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, báo cáo tổng hợp đầy đủ về kết quả giải quyết đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao chủ trì giải quyết, trả lời kiến nghị phải chủ động, phối hợp, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị đã được giao cho cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị phối hợp, bảo đảm việc giải quyết, trả lời cử tri đúng quy định, đúng thời hạn, không để kiến nghị tồn đọng, kéo dài.

3. Kiến nghị liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều địa phương được giao cho một địa phương chủ trì nghiên cứu giải quyết, trả lời. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kiến nghị, địa phương được giao chủ trì nghiên cứu, giải quyết, trả lời kiến nghị phải có văn bản gửi đến các địa phương liên quan để phối hợp giải quyết.

4. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được văn bản đề nghị phối hợp phải có văn bản phối hợp để giải quyết kiến nghị theo thời hạn yêu cầu của cơ quan chủ trì. Thời hạn yêu cầu phối hợp giải quyết không được quá 7 ngày làm việc.

5. Đối với kiến nghị liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, tuân thủ các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản hoặc kiến nghị khi thực hiện giải quyết cần phải có nguồn lực phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, chưa xác định được thời gian giải quyết cụ thể thì các cơ quan được phân công phải giải trình, nêu rõ lý do, dự kiến lộ trình, phương hướng giải quyết, trả lời để cử tri biết.

Điều 9. Yêu cầu nội dung trả lời kiến nghị

1. Nội dung trả lời kiến nghị của cử tri phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo kiến nghị của cử tri.

2. Nội dung trả lời phải phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế địa phương.

Điều 10. Thời hạn giải quyết và trả lời kiến nghị

1. Thời hạn giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị (hoặc theo yêu cầu của văn bản giao nhiệm vụ), sở ban ngành địa phương, báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri với UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Riêng đối với kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh các sở, ban ngành, địa phương phải nghiên cứu, giải quyết đảm bảo chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp (hoặc theo yêu cầu tại văn bản giao nhiệm vụ) phải báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri với UBND tỉnh.

2. Đối với kiến nghị có nội dung phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều vấn đề phải giải quyết cần có thêm thời gian để nghiên cứu, kiểm tra, xác minh, xử lý thì các cơ quan được phân công giải quyết phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian giải quyết và trả lời, đồng thời nêu rõ phương hướng, lộ trình giải quyết.

Thời gian đề nghị gia hạn không quá 30 ngày đối với tất cả các kiến nghị. Văn bản đề nghị gia hạn thời gian giải quyết, trả lời kiến nghị gửi tới Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Đăng tải văn bản trả lời kiến nghị của cử tri

Văn bản trả lời cử tri của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được gửi đến Đoàn Đại biểu Quốc hội, Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có kiến nghị; trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản trả lời cử tri, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết, trả lời có trách nhiệm đăng tải toàn bộ văn bản trả lời kiến nghị trên Cổng Thông tin điện tử của đơn vị, địa phương và trong thời hạn 7 ngày làm việc văn bản trả lời cử tri phải được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cử tri kiến nghị trừ trường hợp kiến nghị có nội dung, thông tin quy định tại Điều 13 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến.

Điều 12. Xử lý đối với cá nhân, cơ quan tổ chức được phân công chưa giải quyết dứt điểm các kiến nghị của cử tri, để cử tri kiến nghị bức xúc qua nhiều kỳ họp

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện được phân công giải quyết các kiến nghị của cử tri, nhưng không giải quyết dứt điểm được các kiến nghị, để cử tri kiến nghị bức xúc qua nhiều kỳ họp, thì tùy theo mức độ vi phạm bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức, viên chức; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu theo quy định tại Nghị định 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; Quyết định số 01-QĐ/TU ngày 17/4/2017 của Tỉnh ủy quy định về trách nhiệm và xử lý trách người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan, tổ chức đơn vị, địa phương trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Là cơ quan đầu mối trong việc tiếp nhận và báo cáo việc giải quyết, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

